

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Đáng
- Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 313/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trầm Phú L của Công ty L1 – Chi nhánh tỉnh T thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Kiên S, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Đ trình bày: Chị và anh Kiên S qua một thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên anh chị tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C vào ngày 21/02/2013. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau nên không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hòa giải nhưng không thành và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai bỏ mặc nhau không quan tâm chăm sóc cho nhau. Đến tháng 12/2018 anh Kiên S đã bỏ nhà đi đến nay vẫn không thấy trở về nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm về việc yêu cầu tuyên bố mất tích số 01/2023/QĐST-VDS, ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn anh Kiên S.
- Về nuôi con tên: Kiên Thạch Phước Đ1, sinh ngày 20/5/2015 chị Thạch Thị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con khi ly hôn.
- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Thạch Thị Đ không không tranh chấp, không khởi kiện.

Đối với bị đơn anh Kiên S đã được Tòa án tuyên bố mất tích từ ngày 19 tháng 4 năm 2023: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, thì Tòa án cũng không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh Kiên S được, qua xác minh chính quyền địa phương thì anh Kiên S đã bỏ địa phương đi từ năm 2018, chính quyền địa phương cũng không xác định được hiện nay anh Kiên S đi đâu, làm gì và cư trú ở đâu. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ theo đúng quy định pháp luật, nhưng anh Kiên S vẫn cố tình vắng mặt, anh Kiên S không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình. Vì vậy Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với chị Thạch Thị Đ và không tiến hành hòa giải được. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Kiên S vẫn vắng mặt.

Tại bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Trầm Phú L trình bày: Chị Thạch Thị Đ và anh Kiên S qua một thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên anh chị tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C vào ngày 21/02/2013. Trong quá trình chung sống thì đến tháng 12/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và anh K Svrone bỏ nhà đi đến nay không thấy về nên chị Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh Kiên S theo Quyết định sơ thẩm về việc yêu cầu tuyên bố mất tích số 01/2023/QĐST-VDS, ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nên chị Đ yêu cầu được ly hôn là hoàn toàn có cơ sở. Về con chung: Có một con chung là cháu Kiên Thạch Phước Đ1, sinh ngày 20/5/2015 hiện cháu đang sống chung với chị Đ, từ khi cháu sinh

ra chị Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu và hiện nay chị Đ là giáo viên với mức lương ổn định nên có đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Đ1, mặc khác cháu Đ1 cũng có nguyện Vọng sống chung với mẹ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được tiếp tục nuôi cháu Đ1 khi ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Đ khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Thạch Thị Đ và anh Kiên S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của chị Đ thì quá trình chung sống giữa chị và anh Kiên S thường xuyên cự cãi, tính tình không hợp nhau, có mâu thuẫn với nhau và không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2018 đến nay; theo biên bản xác minh tại địa phương thì anh Kiên S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã N, huyện C. Anh Kiên S đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018, không rõ địa chỉ mới của anh Kiên S ở đâu; Chị Thạch Thị Đ không liên lạc được với anh Kiên S và cũng không biết nơi cư trú mới của anh Kiên S ở đâu, nên chị Đ có yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Kiên S mất tích để chị làm thủ tục xin ly hôn với anh Kiên S; Tòa án thụ lý và giải quyết ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-VDS, ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang chấp nhận yêu cầu của chị Đ tuyên bố anh Kiên S mất tích nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, chị Đ được ly hôn với anh Kiên S. Về con chung: Tên Kiên Thạch Phước Đ1, sinh ngày 20/5/2015 hiện nay sống chung với chị Đ. Từ khi vợ chồng không còn sống chung thì chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và cũng theo cháu Đ1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Đ được quyền nuôi con chung là cháu Kiên Thạch Phước Đ1, sinh ngày 20/5/2015. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả chị Thạch Thị Đ không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị Thạch Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị Đ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, anh Kiên S không có mặt ở địa phương, qua xác minh ở địa phương thì anh Kiên S đã bỏ đi từ năm 2018 đến nay và đã được Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tuyên bố mất tích vào ngày 19/4/2023, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng hợp lệ theo đúng quy định pháp luật cũng như các giấy triệu tập xét xử đến lần 2 nhưng anh Kiên S vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Kiên S theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Đ và anh Kiên S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 21/02/2013 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Đ và anh Kiên S là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị Thạch Thị Đ cho rằng trong thời gian sống chung thì chị và anh Kiên S thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hòa giải nhưng không thành và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai bỏ mặc nhau không quan tâm chăm sóc cho nhau, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay và anh Kiên S đã bỏ địa phương đi từ năm 2018 cho đến nay, không biết ở đâu, làm gì, nay chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Kiên S. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị Đ và anh Kiên S là không lớn nhưng sau khi kết hôn, chị Đ và anh Kiên S chỉ chung sống được với nhau được một thời gian thì vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, sau đó anh Kiên S bỏ đi biệt tích từ năm 2018 đến nay và Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã ra quyết định số 01/2023/QĐST-VDS, ngày 19/4/2023 tuyên bố anh Kiên S mất tích, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Đ.

[3] Về con chung: Tên Kiên Thạch Phước Đ1, sinh ngày 20/5/2015 hiện đang sống chung với chị Đ, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy con chung của anh chị là cháu K Thạch Phước Đ1, từ khi anh Kiên S bỏ đi đến nay chị Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa chị và con gắn bó hơn, mặc khác cháu Đ1 có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó việc giao con chung cho Đ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho cháu Đ1 có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị Thạch Thị Đ được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Thạch Thị Đ khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Thạch Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Đ được ly hôn với anh Kiên S.

2. Về nuôi con chung: Chị Thạch Thị Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Kiên Thạch Phước Đ1, sinh ngày 20/5/2015, khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Thạch Thị Đ khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thạch Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017409 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hùng Anh